

J Med. 2007;120(2): 151-157. doi: 10.1016/j.amjmed.2006.06.010

6. **Jing E, Straw-Wilson K.** Sexual dysfunction in selective serotonin reuptake inhibitors (SSRIs) and potential solutions: A narrative literature review. *Ment Health Clin.* 2016;6(4):191-196. doi:10.9740/mhc.2016.07.191
7. **Mulhall JP, Luo X, Zou KH, et al.** Relationship between age and erectile dysfunction diagnosis or

treatment using real-world observational data in the United States. *Int J Clin Pract.* 2016;70(12):1012-1018. doi:10.1111/ijcp.12908

8. **Pellegrino F, Sjöberg DD, Tin AL, et al.** Relationship Between Age, Comorbidity, and the Prevalence of Erectile Dysfunction. *Eur Urol Focus.* 2023;9(1):162-167. doi:10.1016/j.euf.2022.08006

THỰC TRẠNG LO LẮNG, TRẦM CẢM, STRESS Ở NHÂN VIÊN CHĂM SÓC RĂNG MIỆNG TẠI BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT TRUNG ƯƠNG HÀ NỘI NĂM 2022 - 2023

Nguyễn Thị Hằng¹, Trần Cao Bính²,
Võ Trương Như Ngọc¹, Nguyễn Mai Phương³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng lo lắng, trầm cảm, stress ở nhân viên chăm sóc răng miệng tại bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương (Hà Nội) năm 2022 - 2023. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 251 nhân viên chăm sóc răng miệng tại bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội. Thời gian thực hiện từ tháng 5/2022 đến 7/2023. **Kết quả:** Nhân viên chăm sóc răng miệng tại bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội có độ tuổi trung bình là $35,6 \pm 7,7$ (trẻ nhất là 22 tuổi, lớn tuổi nhất là 58 tuổi). Các nhân viên có biểu hiện lo lắng, stress, trầm cảm chiếm tỷ lệ lần lượt là: 23,1%; 12,4%; 16,7% với nhiều mức độ khác nhau từ nhẹ, vừa, nặng, rất nặng. Nhân viên có duy nhất một biểu hiện hoặc trầm cảm hoặc lo lắng hoặc stress chiếm 11,6%, có hai biểu hiện chiếm 7,2% và những nhân viên có cả ba biểu hiện lo lắng, trầm cảm, stress là 8,8%. **Kết luận:** Nhân viên chăm sóc răng miệng tại bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội có tỷ lệ bị lo lắng, trầm cảm, stress ở mức cao.

Từ khóa: Lo lắng, trầm cảm, stress, nhân viên chăm sóc răng miệng, bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội.

SUMMARY

STUDY ON THE STATUS OF ANXIETY, STRESS AND DEPRESSION AT DENTAL CARE STAFF AT NATIONAL HOSPITAL OF ODONTO - STOMATOLOGY, HANOI IN 2022 - 2023

Objective: Study on anxiety, depression, stress of dental care staff at National Hospital of Odonto-Stomatology, Hanoi in 2022 - 2023. **Methods:** Cross-sectional descriptive study on 251 dental care staff at

National Hospital of Odonto -Stomatology, Hanoi. Implementation time is from May 2022 to July 2023.

Results: Dental care staff had an average age of 35.6 ± 7.7 years (the youngest was 22 years old, the oldest was 58 years old). Dental care staff have symptoms of anxiety, stress, and depression, accounting for 23.1%, 12.4%, and 16.7%, respectively, with varying degrees from mild, moderate, severe, and very severe. Dental care staff has only one expression or depression or anxiety or stress accounting for 11.6%, there are two manifestations accounting for 7.2% and staff with all three expressions of anxiety, depression, stress is 8.8%. **Conclusion:** Dental care staff at Hanoi Central Dental Hospital have high rates of anxiety, depression, and stress. **Keywords:** Anxiety, depression, stress, dental care staff, National Hospital of Odonto-Stomatology, Hanoi

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với sự phát triển của cuộc sống hiện đại, sức khỏe tâm thần ngày càng trở nên quan trọng và nhận được mối quan tâm của cộng đồng. Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), sức khỏe tâm thần là một phần không thể thiếu đối với sức khỏe và hạnh phúc nói chung, và là một quyền cơ bản của con người [1]. Ngay từ năm 2001, WHO cũng đã nêu bật tầm quan trọng của sức khỏe tâm thần thông qua một báo cáo toàn diện đầu tiên để đưa ra các khuyến nghị cấp thiết cho các quốc gia cần bắt tay hành động sớm để giảm thiểu gánh nặng do bệnh lý về sức khỏe tâm thần.

Trước sự phát triển xã hội nhanh chóng, mà mỗi con người cần phải cố gắng gấp bội để tránh thụt lùi với thời đại. Nhưng vì thế mà áp lực công việc, cuộc sống và gia đình đã dần trở thành bệnh lo lắng, trầm cảm, stress gặm nhấm mọi đối tượng từ người già, trẻ nhỏ, thanh niên cho đến trung niên, bất kể mọi nghề nghiệp từ lao động tay chân đến trí thức. Đặc biệt, với ngành y

¹Trường Đại học Y Hà Nội

²Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương Hà Nội

³Bệnh viện Nhi Trung Ương

Chịu trách nhiệm chính: Trường Đại học Y Hà Nội

Email: minhhangrhm@gmail.com

Ngày nhận bài: 11.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 10.11.2023

Ngày duyệt bài: 20.11.2023

có đặc thù công việc áp lực rất lớn, là đối tượng có nguy cơ bị lo lắng, trầm cảm, stress cao. Việc mắc các rối loạn tâm thần như lo lắng, trầm cảm, stress sẽ gây ra giảm đáng kể chất lượng công việc khám, chăm sóc và điều trị cho bệnh nhân. Đối với các nhân viên chăm sóc răng miệng, ngoài những lý do cá nhân của mỗi người, nguyên nhân lo lắng, trầm cảm, stress thường có liên quan đến đặc thù công việc và nơi làm việc. Các nhân viên chăm sóc răng miệng phải tiếp xúc gần với bệnh nhân và sử dụng các dụng cụ điều trị như tay khoan, tay xịt hơi nước, và các dụng cụ phẫu thuật đã tạo ra các tia nước dạng phun sương, trong đó có thể chứa nước bọt, máu, vi sinh vật và các mảnh vụn vô cơ, hữu cơ khác. Do đó, các nhân viên chăm sóc răng miệng có nguy cơ bị lây nhiễm cao khi thực hiện các thủ thuật nha khoa thông thường.

Bệnh viện Răng Hàm mặt Trung ương Hà Nội là một cơ sở khám chữa bệnh rất uy tín khám và điều trị các bệnh lý về răng miệng. Bệnh viện có đội ngũ cán bộ nhân viên chăm sóc răng miệng với năng lực chuyên môn, tận tâm với người bệnh, nhưng đồng thời họ cũng phải đối mặt với những áp lực lớn do nhiều nguyên nhân khác nhau có thể gây rối loạn tâm thần và ảnh hưởng đến công việc. Vì vậy, để đánh giá thực trạng vấn đề về sức khỏe tâm thần của nhân viên chăm sóc răng miệng đang làm việc tại bệnh viện, hướng tới những khuyến nghị sớm, kịp thời để giải quyết vấn đề hiệu quả, chúng tôi tiến hành nghiên cứu về thực trạng lo lắng, trầm cảm, stress ở nhân viên chăm sóc răng miệng tại bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội, 2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian và địa điểm nghiên cứu: tháng 5/2022 đến 7/2023, tại bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội tại địa chỉ số 40B, phố Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2.2. Đối tượng: 251 nhân viên chăm sóc răng miệng

2.2.1. Tiêu chuẩn lựa chọn: Bác sĩ (Bác sĩ Răng Hàm Mặt, gây mê hồi sức) và trợ thủ nha khoa (điều dưỡng, kỹ thuật viên,) tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội. Công tác tại đơn vị từ 6 tháng trở lên (không gián đoạn) tính đến thời điểm điều tra. Đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2.2. Tiêu chuẩn loại trừ: - Những người không đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Những người nghỉ phép, nghỉ chế độ thai sản, đi công tác dài ngày và không có mặt ở Bệnh viện tại thời điểm thu thập số liệu.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang

2.4. Cỡ mẫu và cách chọn mẫu. Cỡ mẫu nghiên cứu được tính dựa trên công thức sau:

$$n = \frac{Z_{(1-\alpha/2)}^2 p (1-p)}{d^2}$$

Z lấy từ giá trị phân phối chuẩn, với độ tin cậy 95% thì $Z_{(1-\frac{\alpha}{2})} = 1,96$

α : Xác suất sai lầm loại I, với $\alpha = 0,05$

d: Mức sai số cho phép giữa mẫu và quần thể, chọn $d = 0,04$

p: Tỷ lệ nhân viên y tế có dấu hiệu stress theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Lam Ngọc và cộng sự với $p = 10,3\%$ [2]; Thay vào công thức cỡ mẫu tính được $n = 222$ người

Ước tính có khoảng 10% nhân viên y tế không tham gia nghiên cứu nên cỡ mẫu tối thiểu cần lấy là 245 người. Thực tế nghiên cứu đã thu thập thông tin của 251 bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên.

2.5. Phương pháp thu thập số liệu. Bộ công cụ đánh giá mức sức khỏe tâm thần của nhân viên chăm sóc răng miệng là thang đo DASS21 đã được khuyến nghị bởi Viện sức khỏe tâm thần Quốc gia để đánh giá tình trạng stress, lo lắng và trầm cảm. DASS21 gồm 21 đề mục chia làm 3 nhóm: lo lắng (A – anxiety), stress (S – stress) và trầm cảm (D – depression). Mỗi đề mục đối tượng nghiên cứu sẽ chọn các số 0, 1, 2, 3 tương ứng với tình trạng cảm thấy trong suốt 1 tuần qua.

- Mức độ đánh giá: Mức 0 (không đúng 1 chút nào); mức 1 (đúng với tôi 1 phần hoặc thỉnh thoảng mới đúng); Mức 2 (đúng với tôi phần nhiều, hoặc phần lớn thời gian là đúng); Mức 3 (hoàn toàn đúng với tôi, hoặc hầu hết thời gian là đúng)

- Cách tính điểm: Điểm của trầm cảm, lo lắng, stress được tính bằng cách cộng điểm các đề mục thành phần, rồi nhân hệ số 2.

o Trầm cảm: Bình thường (0-9), nhẹ (10-13), vừa (14-20), nặng (21-27), rất nặng (≥ 28)

o Lo lắng: Bình thường (0-7), nhẹ (8-9), vừa (10-14), nặng (15-19), rất nặng (≥ 20)

o Stress: Bình thường (0-14), nhẹ (15-18), vừa (19-25), nặng (26-33), rất nặng (≥ 34)

2.6. Nhập và xử lý số liệu. Số liệu được nhập, quản lý bằng phần mềm EPIDATA 3.0 và được làm sạch, phân tích bằng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 20.0.

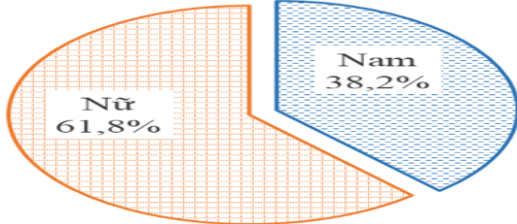
Thống kê mô tả: Biến số định lượng được biểu diễn dưới dạng số trung bình, độ lệch chuẩn. Biến số định tính được biểu diễn dưới

dạng tần số, tỷ lệ %.

2.7. Đạo đức nghiên cứu: Các đối tượng được giải thích đầy đủ thông tin về mục đích nghiên cứu và tự nguyện tham gia. Mọi thông tin đối tượng cung cấp đều được đảm bảo bí mật, chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung



Biểu đồ 1. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo giới tính (n=251)

Nhận xét: Trong 251 nhân viên tham gia nghiên cứu, tỷ lệ nhân viên nữ lớn hơn so với nam giới với tỷ lệ tương ứng là 61,8% và 38,2%.

Bảng 1. Một số đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=251)

Đặc điểm chung		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi	20 – 29 tuổi	58	23,1
	30 – 39 tuổi	128	51,0
	40 - 49 tuổi	49	19,5
	≥ 50 tuổi	16	6,4
	Độ tuổi trung bình	35,6 ± 7,7 Min = 22 tuổi; Max = 58 tuổi	
Chuyên ngành	Bác sĩ răng hàm mặt	90	35,8
	Điều dưỡng	142	56,6
	Kỹ thuật viên	9	3,6
	Khác (Dược sĩ, BS. Gây mê, hồi sức)	10	4,0

Nhận xét: Nhóm tuổi: Độ tuổi trung bình của nhân viên y tế công tác tại bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương là 35,6 ± 7,7, ít tuổi nhất là 22 tuổi và nhiều tuổi nhất là 58 tuổi. Nhóm nhân viên dưới 40 tuổi chiếm đa số (74,1%), trong đó nhóm từ 30 – 39 tuổi chiếm 51%,

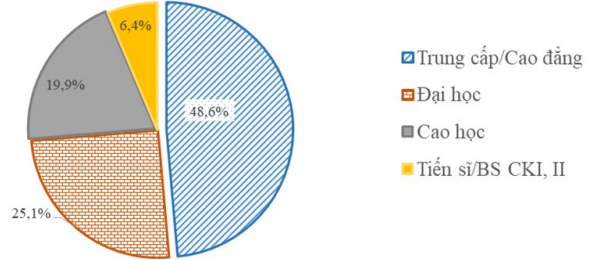
Bảng 2. Phân bố mức độ trầm cảm, lo lắng, stress của đối tượng nghiên cứu theo thang đo DASS-21 (n=251)

Nội dung	Trầm cảm (n)		Lo lắng (n)		Stress (n)	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Bình thường	209	83,3	193	76,9	220	87,6
Nhẹ	25	10,0	13	5,2	9	3,6
Vừa	12	4,8	29	11,6	16	6,4
Nặng	1	0,4	6	2,4	4	1,6
Rất nặng	4	1,6	10	4,0	2	0,8

Nhận xét: Phần lớn nhân viên tham gia nghiên cứu ở mức độ bình thường đối với cả ba

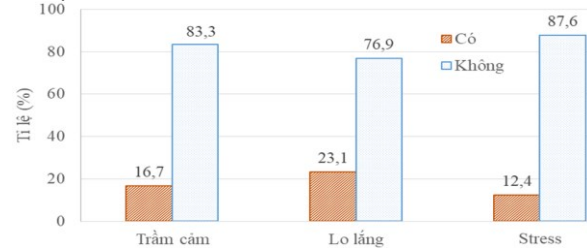
nhóm 20 – 29 chiếm 23,1%. Nhóm nhân viên từ 40 – 49 tuổi và ≥ 50 tuổi chiếm tỷ lệ thấp hơn, tương ứng là 19,5% và 6,4%.

Chuyên ngành: Trong tổng số 251 nhân viên chăm sóc răng miệng tham gia nghiên cứu, 35,8% nhân viên là bác sĩ chuyên ngành răng hàm mặt; 56,6% nhân viên có chuyên ngành điều dưỡng và 3,6% nhân viên có chuyên ngành kỹ thuật viên. Ngoài ra, các nhân viên chuyên ngành dược, gây mê hồi sức chiếm tỷ lệ thấp là 4%.



Biểu đồ 2. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo trình độ học vấn (n=251)

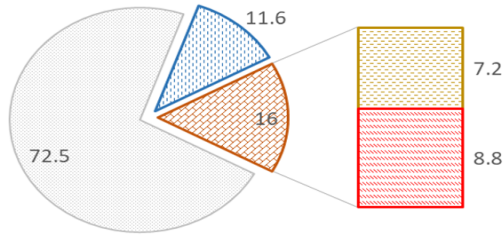
Nhận xét: 48,6% nhân viên được phỏng vấn có trình độ trung cấp, cao đẳng. Nhân viên có trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ/chuyên khoa chiếm tỷ lệ thấp hơn tương ứng là 25,1%, 19,9% và 6,4%.



Biểu đồ 3. Tỷ lệ trầm cảm, lo lắng, stress của đối tượng nghiên cứu theo thang đo DASS-21 (n=251)

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong số nhân viên tham gia nghiên cứu, tỷ lệ nhân viên bị lo lắng chiếm tỷ lệ cao nhất (23,1%), tỷ lệ nhân viên có dấu hiệu bị trầm cảm và stress có tỷ lệ thấp hơn tương ứng là 16,7% và 12,4%.

tình trạng trầm cảm, lo lắng và stress theo thang đo DASS-21 tương ứng với tỉ lệ 83,3%, 76,9% và 87,6%.



□ Không có ■ 1 trạng thái ■ 2 trạng thái ■ 3 trạng thái

Biểu đồ 4. Tỉ lệ nhân viên theo các tình trạng trầm cảm, lo lắng, stress (n=251)

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong số 251 nhân viên tham gia nghiên cứu, tỉ lệ nhân viên không có bất kỳ trạng thái trầm cảm, lo lắng, stress nào chiếm đa số (72,5%). 11,6% nhân viên bệnh viện có 1 trong 3 trạng thái tâm lý, 7,2% nhân viên có 2 trong 3 trạng thái tâm lý và 8,8% có cả 3 trạng thái tâm lý trầm cảm, lo lắng, stress.

IV. BÀN LUẬN

Đối tượng trong nghiên cứu của chúng tôi là các nhân viên chăm sóc răng miệng (bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên) đang công tác tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội. Trong tổng số 251 đối tượng tham gia nghiên cứu, độ tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là 35,6 ± 7,7 tuổi, với cán bộ trẻ tuổi nhất là 22 tuổi và cán bộ lớn tuổi nhất là 58. Nhóm tuổi dưới 40 tuổi chiếm đa số với tỉ lệ 74,1%, nhóm cán bộ 40 – 49 tuổi và ≥ 50 tuổi chiếm tỉ lệ thấp hơn tương ứng là 19,5% và 6,4%. Kết quả này cho thấy Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội có cán bộ, nhân sự trẻ chiếm ưu thế kết hợp hài hòa với các cán bộ giàu kinh nghiệm để đảm bảo phục vụ tốt công tác chuyên môn và phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên kế cận hợp lý. Đặc điểm về độ tuổi trung bình và phân bố theo nhóm tuổi của cán bộ tương đồng với kết quả nghiên cứu của Trần Thị Lam Ngọc và cộng sự ghi nhận nhân viên y tế tại bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ có độ tuổi dưới 40 chiếm đa số là 91% [2].

Về đặc điểm phân bố đối tượng nghiên cứu theo giới tính, đa số nhân viên chăm sóc răng miệng đang công tác tại bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội là nữ giới, tỉ lệ nữ/nam = 1,6/1. Kết quả này thấp hơn so với tỉ lệ nữ/nam = 4,2 ở nghiên cứu của Trần Thị Lam Ngọc và cộng sự thực hiện đánh giá về stress, lo âu, trầm cảm của 398 nhân viên y tế tại 3 bệnh

viện Đa khoa thành phố Cần Thơ, bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ và bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ [2]. Sự khác biệt có thể do nghiên cứu của Trần Thị Lam Ngọc chọn đối tượng nghiên cứu ở tại 3 bệnh viện nên tỉ lệ nữ/nam trong nghiên cứu không có tính chất đại diện cho mỗi bệnh viện, trong khi đó, bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội là bệnh viện chuyên ngành nên đặc điểm tuyển chọn nhân lực là phù hợp với đặc thù công việc liên quan.

***Tình trạng lo lắng của nhân viên chăm sóc răng miệng.** Kết quả nghiên cứu cho thấy tỉ lệ lo lắng của nhân viên chăm sóc răng miệng là 23,1% với các dấu hiệu lo lắng ở các mức độ khác nhau. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Pappa S và cộng sự thực hiện nghiên cứu tổng quan hệ thống dữ liệu từ 12 nghiên cứu khác nhau cho 33.062 nhân viên y tế ghi nhận tỉ lệ lo lắng của nhân viên y tế là 23,2% [3]. Sự tương đồng trên cho thấy rối loạn lo lắng là trạng thái phổ biến ở các nhân viên y tế nói chung ở các chuyên ngành và là một trong các dấu hiệu đòi hỏi cần được sàng lọc, chẩn đoán và có phương án điều trị sớm để hỗ trợ các nhân viên y tế kịp thời không bị ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe tinh thần và thể chất, đảm bảo phục vụ tốt công việc tại đơn vị, cũng như vai trò chăm sóc, điều trị cho người bệnh. Thiết kế nghiên cứu của chúng tôi là mô tả cắt ngang được thực hiện trên nhóm đối tượng là 251 nhân viên chăm sóc răng miệng tại bệnh viện chuyên ngành Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội năm 2023 khi dịch COVID-19 về cơ bản đã được kiểm soát tại Việt Nam. Trong khi đó, nghiên cứu của Pappa S được thiết kế là nghiên cứu tổng quan hệ thống từ 12 nghiên cứu khác nhau đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn, với tổng số đối tượng nhân viên y tế lớn trên 33.062 người thực hiện vào năm 2020 khi thời điểm bắt đầu bùng phát dịch COVID-19. Mặc dù hai nghiên cứu được tiến hành ở hai thời điểm khác nhau, nhóm đối tượng khác nhau và phương pháp nghiên cứu khác nhau nhưng việc tương đồng kết quả khi sử dụng thang đo DASS 21 để đánh giá mức lo lắng còn cho thấy mức độ tin cậy trong nghiên cứu của chúng tôi khi có sự phù hợp với các kết quả đã được y văn trên thế giới công bố. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn rõ rệt kết quả nghiên cứu của Salehiniya H và cộng sự thực hiện khảo sát trực tuyến trên 320 bác sĩ nha khoa tại các cơ sở nhà nước và tư nhân ở Iran vào 5/2020 cho thấy, tỉ lệ bác sĩ bị lo lắng chung là 42,5% [4]. Sự khác biệt có thể do nghiên cứu của Salehiniya H thực hiện trên đối tượng là các bác sĩ nha khoa, trong

khí nghiên cứu của chúng tôi thực hiện trên cả hai nhóm đối tượng bác sĩ và trợ thủ nha khoa (điều dưỡng, kỹ thuật viên). Phân theo mức độ, trong nghiên cứu của chúng tôi có tỉ lệ nhân viên chăm sóc răng miệng có biểu hiện lo lắng ở các mức độ từ nhẹ, vừa, nặng và rất nặng lần lượt là 5,2%; 11,6%; 2,4% và 4,0%. Trong đó, mức độ từ vừa đến rất nặng chiếm tới 18%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu của tác giả Lưu Thị Liên nghiên cứu về stress, lo âu và trầm cảm trên 355 nhân viên y tế tại Trung tâm y tế huyện Sóc Sơn, Hà Nội với tỉ lệ nhân viên y tế biểu hiện lo âu ở các mức độ nhẹ, vừa, nặng và rất nặng là 4,79%, 15,49%, 2,82% và 2,25% [5]. Sự khác biệt có thể do nghiên cứu của chúng tôi thực hiện trên cỡ mẫu nhỏ hơn (251 người so với 355 người) với đối tượng là cán bộ nhân viên y tế chuyên ngành riêng về răng hàm mặt, trong khi đó nghiên cứu của tác giả Lưu Thị Liên đánh giá chung ở nhân viên y tế tuyến huyện với nhiều vị trí công việc khác nhau. Bên cạnh đó, với các trường hợp nhân viên chăm sóc răng miệng có mức lo lắng từ nặng (2,4%) đến rất nặng (4,0%) cần được khuyến nghị có thêm sự quan tâm, hỗ trợ từ các cấp lãnh đạo đơn vị nhằm can thiệp, điều trị tâm lý phù hợp nhằm tránh những ảnh hưởng đến sức khỏe.

***Tình trạng stress của nhân viên chăm sóc răng miệng.** Tỉ lệ stress chung của nhân viên chăm sóc răng miệng ở bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội trong nghiên cứu của chúng tôi là 12,4%. Phân theo mức độ thì tỉ lệ bị stress từ mức độ nhẹ, vừa, nặng cho đến rất nặng tương ứng là 3,6%, 6,4%, 1,6% và 0,8%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Y Phương và cộng sự thực hiện đánh giá tỉ lệ trầm cảm, lo âu, stress ở trên 670 nhân viên y tế tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang và 5 trung tâm y tế huyện (Rạch Giá, Hà Tiên, Kiên Hải, Châu Thành, U Minh Thượng) đã ghi nhận tỉ lệ stress chung là 15,1%, trong đó mức độ nhẹ (6,6%), vừa (5,5%), nặng (2,1%), rất nặng và 0,9% [6]. Trong khi đó, kết quả nghiên cứu của chúng tôi lại cao hơn so với kết quả nghiên cứu mô tả cắt ngang của Nguyễn Thị Lam Ngọc và cộng sự được thực hiện trên 398 nhân viên y tế tại các bệnh viện trên địa bàn thành phố Cần Thơ được phỏng vấn thông qua bộ câu hỏi tự điền theo thang DASS – 21 từ 10/2021 – 5/2022 cho thấy tỉ lệ nhân viên y tế mắc stress là 10,3% với phân loại mức độ từ nhẹ, vừa, nặng, rất nặng tương ứng là 6,8%, 2,5%, 1% và 0% [2]. Sự

khác biệt này có thể do cỡ mẫu nghiên cứu của chúng tôi nhỏ hơn (251 so với 670 so với 398) và thực hiện trên nhóm đối tượng chuyên ngành gồm cả bác sĩ răng hàm mặt và trợ thủ nha khoa (điều dưỡng, kỹ thuật viên) hỗ trợ chăm sóc răng miệng, trong khi đó nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Y Phương thực hiện trên nhân viên y tế đa dạng gồm cả khối khám chữa bệnh và y tế dự phòng tuyến tỉnh/huyện của tỉnh Kiên Giang, nghiên cứu của Nguyễn Thị Lam Ngọc thực hiện trên nhân viên y tế tại các bệnh viện trên địa bàn thành phố Cần Thơ nên tính chất công việc sẽ không có sự tương đồng để so sánh. Thực tế, nhiều nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng, do tính chất công việc đặc thù của nha sĩ phải đứng nhiều để thực hiện thao tác lặp đi lặp lại trong thời gian dài, cùng những yếu tố khác về khối lượng công việc lớn, sự không hợp tác của bệnh nhân... dẫn tới những khó chịu, và trạng thái cảm xúc stress cho các nha sĩ [7]. Một nghiên cứu khác của tác giả Nguyễn Minh Quân và cộng sự cho thấy trong 244 nhân viên y tế, tỉ lệ stress chung là 80,3% với stress mức độ rất nặng là 12,3%, mức độ nặng là 27,9%, mức độ vừa là 22,5% và mức độ nhẹ là 17,6% [8] lại có kết quả cao hơn rất nhiều so với kết quả nghiên cứu của chúng tôi. Điều này được giải thích do nghiên cứu của Nguyễn Minh Quân được thực hiện trên các nhân viên y tế tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời điểm dịch COVID-19 bùng phát mạnh nhất với số ca mắc lớn và điều kiện làm việc luôn quá tải. Điều này đã có ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần làm việc của nhân viên y tế và có thể đã góp phần làm tăng tỉ lệ stress của nhân viên y tế.

***Tình trạng trầm cảm của nhân viên chăm sóc răng miệng.** Tỉ lệ trầm cảm chung của nhân viên chăm sóc răng miệng ở Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội trong nghiên cứu của chúng tôi là 16,7%. Phân theo mức độ thì tỉ lệ bị trầm cảm từ mức độ nhẹ, vừa, nặng cho đến rất nặng tương ứng là 10,0%, 4,8%, 0,4% và 1,6%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Lam Ngọc ghi nhận tỉ lệ trầm cảm chung của nhân viên y tế là 6,8% và tỉ lệ nhân viên y tế mắc trầm cảm từ mức độ nhẹ, vừa, nặng đến rất nặng tương ứng là 3,0%, 2,5%, 0,8% và 0,5% [2]. Sự khác biệt có thể do khác biệt về cỡ mẫu nghiên cứu (nghiên cứu của chúng tôi là 251 người và nghiên cứu của Nguyễn Thị Lam Ngọc là 398 nhân), địa bàn công tác và đặc thù công việc khác nhau (nghiên cứu của chúng tôi trên nhóm đối tượng công tác tại bệnh viện chuyên

ngành về chăm sóc răng miệng tại Hà Nội so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Lam Ngọc thực hiện trên nhân viên Y tế tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ). Ngoài ra, sự khác biệt còn có thể do sự thay đổi mức độ trầm cảm theo thời gian nghiên cứu, đặc thù môi trường làm việc của đối tượng nghiên cứu hoặc việc tham gia các hoạt động tăng cường liên quan đến phòng chống dịch bệnh COVID-19. Theo nghiên cứu của Bùi Thanh Thúy và cộng sự (2021) sử dụng thang đo DASS-21 để đánh giá tình trạng trầm cảm ở 400 nhân viên y tế chăm sóc và điều trị bệnh nhân COVID19 (bao gồm cả bác sĩ và điều dưỡng) tại bệnh viện Nhiệt đới Trung ương và bệnh viện Đa khoa Ninh Bình cho thấy tỷ lệ nhân viên y tế bị trầm cảm là 14,8% [9]. Kết quả nghiên cứu này thấp hơn so với nghiên cứu của chúng tôi (14,8% so với 16,7%). Sự khác biệt có thể do cỡ mẫu nghiên cứu của chúng tôi nhỏ hơn (251 người) và đánh giá ở riêng nhóm đối tượng nhân viên trong khi nghiên cứu của Bùi Thanh Thúy đánh giá chung trên nhóm nhân viên y tế nói chung tại nhiều khoa phòng công tác tại bệnh viện.

V. KẾT LUẬN

Nhân viên chăm sóc răng miệng tại bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội có tỷ lệ bị lo lắng, trầm cảm, stress ở mức cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **World Health Organization** (2022). World mental health report: transforming mental health for all.

2. **Nguyễn Thị Lam Ngọc, Nguyễn Phương Toại, Nguyễn Thành Tấn và cộng sự** (2022). Stress, lo âu, trầm cảm và một số yếu tố liên quan của nhân viên y tế tại các bệnh viện trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2022. Tạp chí Y dược học Cần Thơ(51), 169-177.
3. **Pappa S, Ntella V, Giannakas T et al** (2020). Prevalence of depression, anxiety, and insomnia among healthcare workers during the COVID-19 pandemic: A systematic review and meta-analysis. *Brain Behav Immun*, 88, 901-907.
4. **Salehiniya H, Abbaszadeh H** (2021). Prevalence of corona-associated anxiety and mental health disorder among dentists during the COVID-19 pandemic. *Neuropsychopharmacol Rep*, 41(2), 223 - 229.
5. **Lưu Thị Liên** (2019). Thực trạng và các yếu tố liên quan đến stress, trầm cảm, lo âu của nhân viên y tế thuộc trung tâm y tế huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, năm 2019, Luận văn tốt nghiệp Đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. **Nguyễn Ngọc Y Phương, Nguyễn Phương Toại, Lê Minh Hữu và cộng sự** (2020). Trầm cảm, lo âu, stress ở nhân viên y tế tỉnh Kiên Giang năm 2019. Tạp chí Y dược học Cần Thơ, Số 32/2020, tr. 140 - 146.
7. **Mohamed Asif S, Ibrahim Assiri K, Mohammed Al Muburak H et al** (2022). Anxiety and Depression Among Dentists in the Kingdom of Saudi Arabia. *Risk Manag Healthc Policy*, 15, 497-507.
8. **Nguyễn Minh Quân** (2021). Tình trạng căng thẳng của nhân viên y tế tại một số bệnh viện điều trị bệnh COVID-19 tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2021, Đề tài nghiên cứu khoa học, Bệnh viện thành phố Thủ Đức.
9. **Bùi Thanh Thúy, Trần Thị Len, Nguyễn Kim Thư và cộng sự** (2021). Một số yếu tố liên quan tới trầm cảm của nhân viên bệnh viện trực tiếp chăm sóc người bệnh COVID-19. Tạp chí Nghiên cứu Y học, 145(9), 69-76.

THỰC TRẠNG SUY DINH DƯỠNG Ở NGƯỜI BỆNH CAO TUỔI TẠI BỆNH VIỆN LÃO KHOA TRUNG ƯƠNG

Võ Thị Thanh¹, Nguyễn Ngọc Tâm^{1,2}, Trần Viết Lực^{1,2}

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng suy dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở người bệnh cao tuổi tại bệnh viện Lão khoa Trung ương. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên bệnh nhân ≥ 60 tuổi đến khám và điều trị ngoại trú tại

bệnh viện Lão khoa Trung ương. Bệnh nhân được đánh giá suy dinh dưỡng theo tiêu chuẩn GLIM (lựa chọn đối tượng nguy cơ suy dinh dưỡng và suy dinh dưỡng bằng bộ công cụ MNA, đánh giá các tiêu chí căn nguyên liên quan khẩu phần ăn, tình trạng viêm và tiêu chí kiểu hình về giảm trọng lượng cơ thể, chỉ số khối BMI, khối lượng cơ xác nhận qua BIA cũng như các yếu tố liên quan suy dinh dưỡng đến hoạt động chức năng hàng ngày (ADL, IADL), suy giảm nhận thức MMSE, mức độ trầm cảm/lo âu (Mini GDS). **Kết quả:** Tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là $74,6 \pm 7,3$, tỉ lệ nữ chiếm 72,9%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng 25,6%. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tuổi, sống cô đơn, suy giảm hoạt động chức năng hàng ngày (ADL), suy giảm hoạt động chức năng hàng ngày có sử dụng phương tiện, dụng cụ (IADL), suy

¹Trường Đại học Y Hà Nội

²Bệnh viện Lão khoa Trung ương

Chịu trách nhiệm chính: Võ Thị Thanh

Email: thanhthanhk96@gmail.com

Ngày nhận bài: 12.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 9.11.2023

Ngày duyệt bài: 21.11.2023